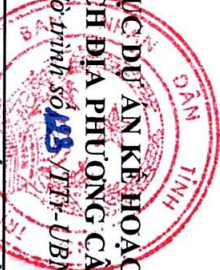


N NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
theo Tờ trình số 13/Tr-UBND
2021-2025 HĐND tỉnh giao

ĐVT: triệu đồng

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÈO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 123/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số					
	TỔNG CỘNG		227.000	227.000	32.187	23.343	6.335	-	
	Dự án hoàn thành năm 2025								
1	Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	622/QĐ-UBND 11/3/2025	227.000	227.000	32.187	23.343	6.335	-	Hoàn thành quyết toán trước khi sắp xếp

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Biểu số 1.2

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẦN ĐỔI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 45/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng số	Trong đó: cấp huyện cần đối					
	TỔNG CỘNG		72.369	58.669	11.111	5.698	5.413		
1	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, HM: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	1314/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.400	2.400	700		700		Hoàn thành
2	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị, hạng mục: Phòng tổ chuyên môn và Hội trường	987/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.700	1.000	300		300		Hoàn thành
3	Trường tiểu học Trần Quốc Toản, hạng mục: Xây mới dãy nhà học 3 tầng	986/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	9.600	5.600	1.751		1.751		Hoàn thành
4	Trung tâm hành chính thị xã (GD 1); Hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng	1407/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	24.511	24.511	1.982	1.300	682		Dừng kỹ thuật
5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	6.600	650		650		Hoàn thành
6	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	12.000	495		495		Hoàn thành sau năm 2025
7	Bé tông giai thông nội phường		2.500	2.500	1.746	1.671			

[illegible]

HUYỆN VINH LINH

Biểu số 1.3

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẦN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 123/TT-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án							Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cần đối					
	TỔNG CỘNG		117.666	20.976	26.577	17.860	8.717	3.875,484	
1	Cầu Trạm xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500	150	150	-	150		Hoàn thành
2	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: Khoa chuẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	4498/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	18.605	150	150	-	150		Hoàn thành
3	Đường bê tông nối trục đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4126/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.013	181	181	-	181		Hoàn thành
4	Đường bê tông khóm 4 giao đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4128/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	807	159	159	-	159		Hoàn thành
5	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn Hồ Xá. HM: Thay nền, chống thấm mái và quét vôi màu nhà 2 tầng, 8 phòng học	4115/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	550	110	110	-	110		Hoàn thành
6	Bê tông hóa các trục đường liên thôn xã Vĩnh Hòa	2201/QĐ-UBND 10/8/2023	988	188	188	-	188		Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: cấp huyện cân đối						
			Tổng số								
7	Đường bê tông xóm Hữu Nghị thuộc khóm 3, thị trấn Bến Quan	4127/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	500		100	100	-	100		Hoàn thành	
8	Đường Trung Nam huyện Vĩnh Linh	5007/QĐ-UBND 31/12/2023	4.000		200	200	-	200		Hoàn thành	
9	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: Xây dựng nhà 3 phòng học	286/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	1.900		150	150	-	150		Hoàn thành	
10	Trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi, huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: Nhà 2 tầng, 8 phòng học bộ môn	118/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	5.800		150	150	-	150		Hoàn thành	
11	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Thủy	4116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.325		568	568	-	568		Hoàn thành	
12	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 6, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4117/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900		180	180	-	180		Hoàn thành	
13	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 8, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4119/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900		180	180	-	180		Hoàn thành	
14	Đường giao thông nông thôn thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang	4122/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.000		200	200	-	200		Hoàn thành	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
15	Xây mới nhà văn hóa thôn Tứ Chính, xã Vĩnh Tú	4123/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	300	300	-	300	Hoàn thành	
16	Nhà văn hóa nhóm 3 thị trấn Bến Quan	4124/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	250	250	-	250	Hoàn thành	
17	Nhà văn hóa nhóm 2 thị trấn Bến Quan	4125/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.200	150	150	-	150	Hoàn thành	
18	Đường bê tông vào nhóm 5, thị trấn Bến Quan	4129/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750	150	150	-	150	Hoàn thành	
19	Xây mới nhà văn hóa khu phố An Du Đông 1, thị trấn Cửa Tùng	4130/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.500	240	240	-	240	Hoàn thành	
20	Nhà Văn hóa An Đức 3, thị trấn Cửa Tùng	4131/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	140	140	-	140	Hoàn thành	
21	Nâng cấp đường giao thông hai bên chợ Do thị trấn Cửa tùng	4132/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.000	400	400	-	400	Hoàn thành	
22	Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Hồ Xả. HM: 01 phòng thư viên, 01 phòng truyền thống	4133/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.350	200	200	-	200	Hoàn thành	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: cấp huyện cân đối						
			Tổng số								
23	Trường mầm non Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới bếp ăn bán trú, sân chơi Bàn 8	4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700		45	45	-	45		Hoàn thành	
24	Trường PTDTBT tiểu học xã Vĩnh Ô. HM: Sân tập học sinh	4107/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	800		160	160	-	160		Hoàn thành	
25	Trường Mầm non Hiền Thành, xã Hiền Thành. HM: Cải tạo nhà 2 phòng học và rạp ăn, xây nhà xe (cụm Liêm Công Đông); Sơn dây phòng học (cụm Tân An).	4108/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400		80	80	-	80		Hoàn thành	
26	Trường Mầm non Cửa Tùng. HM: Cải tạo sân khấu ngoài trời	4110/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	300		60	60	-	60		Hoàn thành	
27	Trường tiểu học Kim Đồng, thị trấn Hồ Xả. HM: Sân khấu ngoài trời	4114/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700		140	140	-	140		Hoàn thành	
28	Trường THCS Cửa Tùng; HM: Nhà vệ sinh (800 học sinh); quét vôi màu nhà 3 tầng 15 phòng học và nhà 2 tầng	4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750		150	150	-	150		Hoàn thành	
29	Trường tiểu học Cửa Tùng; HM: Nhà thường trực (điểm trường khu phố Trung Nam); lớp mái nhà 2 phòng học (điểm trường cơ sở 2);	4111/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400		80	80	-	80		Hoàn thành	
30	Trường Mầm non Quyết Thắng, thị trấn Bến Quan; HM: Nhà thường trực, nhà vệ sinh, nhà kho, hàng rào dây thép gai	4112/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	600		120	120	-	120		Hoàn thành	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
31	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hàng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000	3.162	3.162	2.340	822	Hoàn thành	
32	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ diện thu hút	4052/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.817	200	200	-	200	Hoàn thành	
33	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi thôn Nam Sơn	2179/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	6.805	31	31	-	31	Hoàn thành	
34	Trường MN Vĩnh Hòa (Điểm trường trung tâm Thôn Hòa Bình); HM: Nhà 2 tầng 8 phòng học	3352/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.400	600	600	-	600	Hoàn thành	
35	Trường tiểu học Vĩnh Giang, HM: 6 phòng chức năng	3681/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	4.500	900	900	-	900	Hoàn thành	
36	Trường tiểu học Vĩnh Thái, HM: sân trường, nhà vệ sinh	1655/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	360	360	360	-	360	Hoàn thành	
37	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 574 đến khu dân cư Hòa Lý 2, TT cửa tunnel	2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.500	602	602	302	300	Hoàn thành	
38	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh; Hàng mục: Hệ thống sân vườn và hàng mục phụ trợ	2744/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.500	1.174	1.174	1.000	174	Hoàn thành	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cần đối					
39	Đường bê tông nội thôn khu phố An Đức 1, An Du Đông 1, An Du Nam, Trung Nam, Bắc Bàn và Khu phố Cát, thị trấn Cửa Tùng	2453/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.150	1.150	1150	1150		5,542	
40	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Linh; HM:CT, SC nhà đất lễ, nhà chuồng, tường đài, cổng chính, cổng phụ, tường rào mặt trước và hệ thống điện chiếu sáng từ nhà quản trang ra tường đài	2423/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	700	700	700	700		3,215	
41	Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy tại 9 điểm trường học trên địa bàn huyện Vĩnh Linh	4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	6.184	6.184	6.184	6.184		3.864	
42	Trang trí các trụ sở Huyện ủy, HĐND - UBND và UBMTTQVN và nghĩa trang liệt sỹ huyện Vĩnh Linh	4074/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 822/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	5.213	583	6.184	6.184		2,727	

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 23/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày thăng, năm, ban hành	Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		139.392	62.431	19.115	10.374	8.557	112.034	
1	Đường bê tông khu phố 3, thị trấn Gio Linh	760/QĐ-UBND ngày 04/03/2025	490	490	490	0	490		Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025
2	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	41.921	26.921	11.124,780	5.345,535	5.779,245		Hoàn thành
3	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	1905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1818/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	80.761	30.300	4.312,137	2.312,137	2.000		Hoàn thành sau 2025 Dự án tình phê duyệt
4	Trường mầm non Gio An-Cụm trung tâm ; Hạng mục: Xây mới nhà 01 tầng	1334/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.400	150	150	0	150		Hoàn thành
5	Sửa chữa dây nhà làm việc, sân, bồn hoa điểm trung tâm trường tiểu học Linh Trường	1504/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	770	70	70	0	57,203		Đổi ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bến Tắt	1422/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	1.100	100	100	0	80,552		Đổi ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: cấp huyện cân đối						
			Tổng số								
7	Sửa chữa hệ thống mái trụ sở làm việc của HĐND&UBND huyện	4016/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2646/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	980		980	650	650		6,370	Đã hoàn thành, phê duyệt QTDAHT trước 01/7/2025	
8	Khu rèn luyện TDDT của HDND và UBND huyện	4015/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.050		1.050	790	790		34,796	Đã hoàn thành, phê duyệt QTDAHT trước 01/7/2025	
9	Cộng đồng phòng tránh thiên tai trường tiểu học thị trấn Cửa Việt, Huyện mục: Nhà học bộ môn	1284/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	4.200		1.200	258,553	258,553		45,662	Đã hoàn thành, phê duyệt QTDAHT	
10	Trường mầm non Gio Mai; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	5307/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	5.270		720	720	574,648		14,941	Đã hoàn thành, phê duyệt QTDAHT trước 01/7/2025	
11	Trường TH & THCS Gio Quang; hạng mục: Xây mới 01 phòng học, 01 phòng học tiếng Anh	4635/QĐ-UBND ngày 18/11/2023; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	1.100		100	100	93,264		7,270	Đã hoàn thành, phê duyệt QTDAHT trước 01/7/2025	
12	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Linh Trường (Nhà Mặt trận và các đoàn thể)	4201/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	350		350	350	350		2,995	Đã hoàn thành, chưa phê duyệt QTDAHT	

HUYỆN HẢI LĂNG

Biểu số 1.5

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		98.252	13.711	15.569	6.710	8.205	0	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy	940/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.900	2.900	2.900	2.850	47		Đã QT
2	Sửa chữa hội trường huyện ủy	232/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	1.150	551	551	510	41		Đã QT
3	Bổ trí bổ sung vốn ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách		1.000	1.000	1.000		1.000		
4	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Tây đường Võ Thị Sáu (giai đoạn I); hạng mục: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp điện	260/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	3.500	140	140		140		
5	Kè chống sạt lở bờ sông Nhùng (đoạn qua xã Hải Thượng, xã Hải Quý và đoạn bờ sông Vĩnh Định (ĐH 49) qua xã Hải Hưng	121/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	2.600	139	139		139		
6	Khắc phục xói lở cầu An Lạc và đường hai đầu cầu xã Hải Phú, huyện Hải Lăng	760/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.063	264	264		264		
7	BTH đường giao thông nông thôn, thôn Mỹ Thủy, xã Hải An	445/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.048	3	3		3		
8	Kênh tiêu thoát nước thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	447/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.970	2	2		2		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án							Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
9	KCH-GTNT thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	448/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.870	3	3		3		
10	Điện thắp sáng đường quê thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	449/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.760	3	3		3		
11	Sân thể thao xã Hải Khê	257/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	2.527	4	4		4		
12	Trung tâm văn hóa - thể thao, huyện Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	37.400	4.639	4.639	2.200	2.139		
13	Nâng cấp tuyến đường huyện DH49B xây dựng huyện NTM	771/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	2.450	175	175		175		
14	Trường TH&THCS Hải Phú. HM: Phòng chức năng và nhà đa năng	394/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	4.900	200	200		200		
15	Trung tâm GDNN-GDTX; Hàng mục: Phòng học và phòng thực hành	542/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	2.000	500	500	200	300		
16	Trường TH&THCS Hải Chánh. HM: Phòng học, phòng chức năng và đa năng	395/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	2.400	200	200	100	100		
17	Nâng cấp các trạm Y tế xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quý, Hải Quế, Hải Định, huyện Hải Lăng	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	6.500	500	500	400	100		
18	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	701/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	1.033	1.033	1.033	200	833		Đã đúng thực hiện

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 123/Tr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Tổng số cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		55.527	12.622	12.405	3.890	8.515	390	-
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Ái Tử	3065/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.000	3.000	3.000	2.100	900		Hoàn thành GD 1
2	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND; 19/4/2023	10.000	2.000	1.783		1.783		Hoàn thành sau năm 2025
3	Đường DH 43B huyện Triệu Phong	2613/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	8.000	288	288	-	288		Hoàn thành
4	Nâng cấp đường DH46B (Đoạn từ DT.578b đến chợ Thuận)	2496/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	14.997	528	528	400	128		Hoàn thành
5	Đường DH 46C huyện Triệu Phong	số 614Đ-UBND ngày 10/3/2023	5.500	1.558	1.558	1.000	557,7		Hoàn thành
6	Trường mầm non Triệu Long; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	3410/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	4.500	700	700	-	700		Hoàn thành
7	Hỗ trợ vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách		1.000	1.000	1.000		1.000		Hoàn thành
8	Nâng cấp đường Trương Văn Hoàn thị trấn Ái Tử	1387/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	2.000	858,3	858,298		858,3		Đã quyết toán DAHT
9	Lát Vữa hệ đường vào Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn	1589/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	1.000	1000	1000		1.000		Đã quyết toán DAHT
10	Đường GTNT xã Triệu Cơ	1632/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	500	500	500		500		Hoàn thành

TT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cần đối					
11	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Lý	1568/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	800	694	694		694		Hoàn thành
12	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Lý (GDD2)	1620/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	1.620	106	106		106		Đã quyết toán DAHT
13	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư xã Triệu Thuận	3422/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	610	390	390	390		390	Hoàn thành

HUYỆN HUỖNG HOÁ

Biểu số I.7

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 413/TT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án					Đơn vị tính: Triệu đồng				
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối							
	TỔNG CỘNG		143.214	61.345	21.899	6.241	11.083	309			
1	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	1693/QĐ-UBND ngày 12/5/2022; 2211/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.959	5.959	2.037	137	1.900		Hoàn thành năm 2025		
2	Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	3057/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1.886	1.886	1.300	300	1.000	188	Hoàn thành năm 2025		
3	Đường vào trụ sở UBND xã Ba Tầng	735/QĐ-UBND 05/3/2024;	2.000	2.000	2.000	800	126		Hoàn thành năm 2025		
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đăng Thai Mai, thị trấn Khe Sanh	1894/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	470	470	470	300	170		Hoàn thành		
5	Sửa chữa cầu khe Pa Răng tại thôn Thuận 1, xã Thuận	5074/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của huyện HH	1.200	1.200	1.200	600	600		Hoàn thành		
6	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đình Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ điểm giao với Quốc lộ 9 đến điểm giao với đường Bùi Dục Tài)	2092/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	853	853	853	600	253		Hoàn thành		
7	Nhà văn hóa xã Tân Long	3679/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	2.200	1.215	1.215	500	500				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
8	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	1439/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.325	3.325	800	0	800	Hoàn thành năm 2025	
9	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.168	3.168	843	0	843	hoàn thành	
10	Đường giao thông Kiệt Đình Tiên Hoàng - hộ Bà Lài (Khối 3) - TT Khe Sanh	1689/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	700	700	700		700		
11	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Văn - hộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	1450/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.176	1.176	1.176		700		
12	Đường liên thôn An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	1042/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.000	1.000	1.000		700		
13	Nhà vệ sinh hội trường HDND và UBND huyện Hướng Hóa	431/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	625	625	625	0	35	Dừng thực hiện	
14	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	2376/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	11.000	1.000	1.000	0	210	Đang thực hiện quyết toán DAHT	
15	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	245	Dừng thực hiện	
16	Trụ sở làm việc xã Hướng Sơn	4215/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	240	Dừng thực hiện	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
17	Đường giao thông Kiệt Phan Chu Trình - hộ Bà Yên (Khố 3) - TT Khe Sanh	2575/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	780	780	780	700	80			
18	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	3486/QĐ-UBND ngày 26/11/2020; 2792/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	10.000	8.000	1.900	1.006	894	121		
19	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	80.000	20.000	3.000	1.297	689			
20	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Tà Đủ, xã Tân Hợp	734/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 của UBND huyện	7.000	7.000	400		400		Dùng thực hiện do vướng mặt bằng	

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 43/Tr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Quyết định/dầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		63.423	15.671	15.447	5.898	9.478	5.519,972	
1	Trụ sở UBND thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Phòng làm việc	1009/QĐ-UBND ngày 22/04/24	3.000	129	200	0	129		Hoàn thành, chưa quyết toán
2	Nhà công vụ huyện Đakrông	1247/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.000	500	500	0	500		Hoàn thành, chưa quyết toán
3	Trường THCS Hướng Hiệp; Hạng mục: Khu hiệu bộ	609/QĐ-UBND ngày 25/3/24	3.100	1.100	932	0	932		Hoàn thành
4	Trường Tiểu học số 2 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	975/QĐ-UBND ngày 12/4/24	3.100	1.100	1.100	0	1.100		Hoàn thành
5	Trường Tiểu học số 1 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	1954/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	2.900	900	773	0	773		Hoàn thành
6	Nhà thi đấu đa năng huyện Đakrông	994/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	14.000	1.120	1.120	0	1.120		Hoàn thành sau năm 2025
7	Hoàn thiện vỉa hè đường Quốc lộ 9 - Đoạn qua thị trấn Krông Klang	595/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	3.000	2.680	2.680	1.000	1.680	1.000	Hoàn thành
8	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Ba Nang	596/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	4.800	2.327	2.327	2.129	198	2.129	Hoàn thành

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số **123** TTtr-UBND ngày **23** tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng									
TT	Danh mục dự án	Số QB, ngày tháng, năm, ban hành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Tổng số					
				Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		286.678	116.675	18.700	9.708	7.337	-	
1	Trường MN Tuổi Hoa, xã Thanh An	2196/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	11.523	6.023	2.000	1.000	159	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
2	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà đa năng và Nhà hiệu bộ	896/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	12.000	2.000	500	0	186	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
3	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 1231/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	171.187	51.187	5.542	3.000	2.042	-	Hoàn thành sau năm 2025
4	Trường TH Cam Tuyền, Hạng mục: Nhà đa năng	2642/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	1.948	1.948	1.400	1.150	250	-	Hoàn thành, chưa quyết toán
5	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	2409/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	14.600	6.600	2.500	1.500	1.000	-	Hoàn thành
6	Hệ thống nước sạch các thôn Vĩnh An, Nam Hiếu, Vĩnh Đại	2966/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.224	1.224	500	-	500	-	Hoàn thành
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Cụm Công nghiệp Cam Hiếu 2, huyện Cam Lộ	2560/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.203	700	200	-	200	-	Hoàn thành
8	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	1113/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	31.000	21.000	1.000	-	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án						Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025		Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
9	Đường Dương Văn An (nối dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	1530/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	27.000	11.000	4.058	3.058	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025
10	Khen thưởng huyện đạt NTM: Hang mục: Đường liên xã Cam Thành- TT Cam Lộ	1990/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	14.993	14.993	1.000	-	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025



Biểu số II
TỔNG HỢP VỐN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số **123** / TT-UBND ngày **23** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng									
TT	Đơn vị/cấp quản lý	KH2021-2025 được HĐND tỉnh giao	Thu sử dụng đất thực tế						So sánh tổng kế hoạch vốn thực tế hàng năm với KH trung hạn HĐND tỉnh giao
			Tổng số	Trong đó					
				2021	2022	2023	2024	2025 (Kế hoạch vốn)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 4-3
	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	2.100.000	3.593.149,48	933.994,95	794.857,33	256.716,65	714.615,39	892.965,16	1.493.149,48
1	Thành phố Đông Hà	750.000	1.290.693,60	265.328,60	204.536,00	85.098,00	398.776,00	336.955,00	540.693,6
2	TX Quảng Trị	100.000	194.245,70	67.075,70	31.470,00	11.281,00	40.419,00	44.000,00	94.245,7
3	Vĩnh Linh	385.000	719.008,42	179.989,28	164.150,73	42.318,24	118.220,49	214.329,68	334.008,4
4	Hương Hóa	75.000	77.275,48	24.797,96	13.852,37	6.667,18	6.957,97	25.000,00	2.275,5
5	Gio Linh	125.000	216.616,43	58.697,48	60.864,71	31.449,11	38.335,43	27.269,70	91.616,4
6	Đakrông	40.000	44.887,33	21.119,09	6.598,84	6.434,51	5.734,89	5.000,00	4.887,3
7	Cam Lộ	200.000	466.240,30	172.682,30	113.664,00	26.886,00	53.008,00	100.000,00	266.240,3
8	Triệu Phong	125.000	148.268,84	54.401,16	27.973,50	18.501,14	16.982,25	30.410,78	23.268,8
9	Hải Lăng	300.000	435.913,37	89.903,37	171.747,18	28.081,46	36.181,36	110.000,00	135.913,4